TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 5 - 2023
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hồng Hải**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm: 2000. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh **Đào Hồng T**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đào Hồng T ngày 19/11/2018, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, tình cảm thời gian đầu hòa thuận, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, anh T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H mỗi

khi uống rượu say khiến gia đình không yên ấm, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và công việc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ tháng 3 năm 2022 anh chị đã sống ly thân, chị về nhà ngoại ở huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội sinh sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đào Hồng T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Hồng D, sinh năm 01/01/2019 và cháu Đào Xuân TR, sinh ngày 20/5/2021 . Hiện nay cháu D đang ở với anh T, cháu TR đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Xuân TR, anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Đào Hồng D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của anh Đào Hồng T, bị đơn anh Đào Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Thị H năm 2018, hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, trong lúc nóng nảy chị H đã bỏ về nhà ngoại từ tháng 2 năm 2022 đến nay. Qúa trình xảy ra mâu thuẫn anh và gia đình đã nhiều lần sang nhà chị H để hòa giải, động viên chị H quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Chị H có đơn xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Hồng D, sinh năm 01/01/2019 và cháu Đào Xuân TR, sinh ngày 20/5/2021 . Hiện nay cháu D đang ở với anh T, cháu TR đang ở với chị H. Trường hợp ly hôn anh đề nghị cho chị H nuôi cháu TR, anh nuôi cháu D. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TĐ và Hội liên hiệp phụ nữ xã TĐ, xác định: Chị H và anh T có hộ khẩu thường trú tại xã TĐ, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Về mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T địa phương có nắm được, do chị H hiện nay đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2022. Anh chị có hai con chung sinh năm 2019 và sinh năm 2021, hiện đang Tân đi làm quán ăn ở Hà Nội, thỉnh thoảng có về nhà. Nay chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ .

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ*

đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

***- Về nội dung vụ án**: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh T.*

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Hồng D, sinh năm 01/01/2019 và cháu Đào Xuân TR, sinh ngày 20/5/2021

Giao cháu Đào Hồng D cho anh Đào Hồng T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Đào Xuân TR cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh chị đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T về việc thụ lý vụ án và tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không đến Toà để làm việc, vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, căn cứ quy định tại Khoản 1, 4 Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị H có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh T vào ngày 19/11/2018 việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống không hợp nhau, hai bên bất đồng về quan điểm sống. Anh T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H mỗi khi đi uống rượu về. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2022 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị ly hôn anh T. Anh T không đồng ý ly hôn, đề nghị đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, trên thực tế, chị H và anh T không còn thực tế chung sống, trong cuộc sống không có sự quan tâm, bàn bạc với nhau. Chị H đã về nhà ngoại sinh sống từ tháng 2 năm 2022 đến nay. Anh T có khai là anh đã đến đón chị H nhiều lần nhưng chị H nhất quyết không quay về thể hiện sự quyết tâm ly hôn của chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã rất nhiều lần mời anh T lên làm

việc nhưng anh T không đến Toà. Có thể thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Đào Hồng T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Đào Hồng D, sinh năm 01/01/2019 và cháu Đào Xuân TR, sinh ngày 20/5/2021.

Chị H và anh T đều có nguyện vọng chung là nếu ly hôn thì chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu TR, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Xét thấy, hiện nay cháu D đang sống cùng anh T, cháu TR còn nhỏ đang sống cùng chị H, vì vậy nguyện vọng của hai anh chị là phù hợp. Do đó HĐXX thấy cần giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu TR cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tránh những thay đổi không có lợi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh T đều xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4]Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đào Hồng T.

2. Về con chung:

Giao cháu Đào Hồng D, sinh năm 01/01/2019 cho anh Đào Hồng T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 5/2023 cho tới khi cháu D thành niên. Giao cháu Đào Xuân TR, sinh ngày 20/5/2021 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 5/2023 cho tới khi cháu TR thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: chị H và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006111 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TĐ (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Xuân Bộ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Lâm **Nguyễn Hồng Hải** **Đặng Xuân Bộ**

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TĐ (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Bộ